

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HS-ST
Ngày: 30 - 5 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Văn Ánh

Ông Nguyễn Ngọc Tòng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh C, sinh ngày 16/8/1985 tại huyện KS, tỉnh S; Nơi cư trú: Ấp Mỹ T, xã Nhơn M, huyện KS, tỉnh S; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị Út E; có vợ Lâm Anh T và con có 02 người (sinh năm 2017 và sinh năm 2019); Tiền án: 01 lần (ngày 19/12/2017 bị Tòa án nhân dân quận CR, thành phố C xử phạt 15.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, đến nay chưa chấp hành xong về phần án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, chưa được xóa án tích); Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/12/2022 và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh **Phan Thanh S**, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Tổ 21, ấp An K, xã Tân An T, huyện BT, tỉnh V. (có mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà **Nguyễn Thị Út E**, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Số 180/2, ấp Mỹ T, xã Nhơn M, huyện KS, tỉnh S. (có mặt)

- Người làm chứng: Anh **Lý Hiệp N**, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Tổ 01, ấp Hưng T, xã Tân H, huyện BT, tỉnh V. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2017, Nguyễn Minh C có mua trái cây từ các nhà vườn rồi đem về vừa của cha ruột là ông Nguyễn Minh T tại ấp Mỹ T, xã Nhơn M, huyện KS, tỉnh S để bán lại. Đến giữa năm 2022, do làm ăn thua lỗ nên C và ông T không còn làm vừa trái cây nữa, đến tháng 9 năm 2022 do thiếu nợ nên C bỏ địa phương, đi nơi khác sinh sống.

Đến tháng 10 năm 2022, C thấy nhiều vừa trái cây đang cần thu mua trái cây nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của chủ vừa trái cây để tiêu xài. C điện thoại cho những người quen cùng mua bán trái cây với C trước đó, để đưa ra thông tin giả là C có 07 tấn trái cây (gồm 05 tấn xoài và 02 tấn mận) tại vừa trái cây của C cần bán với giá 140.000.000 đồng, nhưng không ai mua.

Đến ngày 10/10/2022, C điện thoại cho anh Lý Hiệp N cư trú tại khóm 9, thị trấn Sông Đ, huyện Trần Văn T, tỉnh C kêu anh N mua số trái cây với những thông tin giả như trên nhưng anh N không mua, mà giới thiệu anh Phan Thanh S (bà con bên vợ của anh N) cư trú tại tổ 21, ấp An K, xã Tân An T, huyện BT, tỉnh V cho C để C bán số trái cây cho S. C mới điện thoại cho anh S nói dối là “Có 07 tấn xoài và mận tại vừa trái cây của C muốn bán với số tiền 140.000.000 đồng, nếu mua thì đặt cọc trước với số tiền là 60.000.000 đồng và hẹn đến 12/10/2022 anh S đến vừa trái cây của C để nhận hàng và thanh toán số tiền còn lại”. Anh S tin là C nói thật nên đồng ý mua số trái cây trên của C.

Đến tối ngày 10/10/2022, khi anh S đang ở tại nhà thuộc tổ 21, ấp An K, xã Tân An T, huyện BT, tỉnh V thì anh S chuyển tiền đặt cọc cho C vào số tài khoản ngân hàng A số 7602205083702 của C thông qua ứng dụng chuyển tiền trên điện thoại di động 02 lần với tổng số tiền 60.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền C rút tiền ra lấy trả nợ và tiêu xài hết. Đến ngày 12/10/2022 anh S điện thoại cho C, nhưng không liên lạc được với C, nên anh S đi đến nhà của C thì biết C không có ở nhà và đã nghĩ mua bán trái cây từ lâu, anh S biết mình bị lừa nên đến Công an xã Tân An T, huyện BT, tỉnh V trình báo sự việc.

Qua điều tra, Nguyễn Minh C đã thừa nhận có đưa ra những thông tin gian dối (không có thật) để chiếm đoạt số tiền 60.000.000 đồng của anh Phan Thanh S.

Xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BT, tỉnh V ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Minh C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và ra Lệnh bắt tạm giam để điều tra cho đến nay.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã chứng minh, giải quyết được như sau:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh thu của C, không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho C.

Đối với anh Phan Thanh S có yêu cầu C trả lại cho anh số tiền 60.000.000 đồng và bồi thường chi phí thiệt hại với số tiền 20.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền 80.000.000 đồng. C đồng ý bồi thường số tiền trên cho anh S nhưng đến nay chưa bồi thường.

Bà Nguyễn Thị Út E là mẹ ruột C đã đến Chi cục thi hành án dân sự huyện BT, tỉnh V nộp số tiền 2.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho phía bị hại thay C. Đối với số tiền này thì bà Nguyễn Thị Út E không yêu cầu C phải trả lại.

Tại cáo trạng số: 20/CT-VKSBT ngày 21/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BT, tỉnh V đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, năng lực trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện BT, tỉnh V vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Minh C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh C từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Nguyễn Minh C có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo C.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị hại anh Phan Thanh S yêu cầu bị cáo Nguyễn Minh C trả lại cho anh S số tiền 60.000.000 đồng và bồi thường chi phí thiệt hại với số tiền 20.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền 80.000.000 đồng. Bị cáo C đồng ý bồi thường số tiền trên cho anh S nên ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo C. Bà Nguyễn Thị Út E là mẹ ruột của bị cáo C đã đến Chi cục thi hành án dân sự huyện BT, tỉnh V nộp số tiền 2.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho phía bị hại thay cho bị cáo C nên được khấu trừ, vì vậy buộc bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho anh Phan Thanh S là 78.000.000 đồng.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng bà Út E không yêu cầu bị cáo C phải trả lại nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Út E và không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Đề nghị trả lại 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh cho bị cáo C vì bị cáo không dùng điện thoại này để thực hiện hành vi phạm tội.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh C nộp số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 3.900.000 đồng (*Ba triệu chín trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Minh C khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BT, tỉnh V đã truy tố, bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại anh Phan Thanh S trình bày: Bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Minh C trả cho bị hại số tiền 60.000.000 đồng và bồi thường chi phí thiệt hại với số tiền 20.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 80.000.000 đồng. Ngoài ra, bị hại không yêu cầu gì thêm. Về hình sự bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C.

Bà Nguyễn Thị Út E trình bày: Bà là mẹ của bị cáo C, số tiền 2.000.000 đồng bà E đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BT, tỉnh V để bồi thường thiệt hại cho phía bị hại thay cho bị cáo C, bà E không yêu cầu bị cáo C trả lại cho bà. Bà E xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C.

Bị cáo Nguyễn Minh C nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận ra lỗi lầm của mình, hành vi mà bị cáo thực hiện là sai, đã vi phạm pháp luật, bị cáo xin lỗi bị hại và gửi lời xin lỗi gia đình bị hại. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về đoàn tụ gia đình, có điều kiện sửa đổi bản thân, làm lại cuộc đời và trở thành công dân có ích cho xã hội sau này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện BT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BT, tỉnh V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Minh C tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, các tài liệu, giấy tờ, chứng từ thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Có đủ căn cứ xác định: Vào năm 2017, bị cáo Nguyễn Minh C có mua trái cây từ các nhà vườn rồi đem về vừa của cha ruột là ông Nguyễn Minh T tại ấp Mỹ T, xã Nhơn M, huyện KS, tỉnh S để bán lại. Đến giữa năm 2022, do làm ăn thua lỗ nên bị cáo C và ông T không còn làm vừa trái cây nữa rồi bị cáo C bỏ địa phương đi nơi khác sinh sống. Do có ý định chiếm đoạt tài sản của người khác từ trước đề có tiền tiêu xài nên vào ngày 10/10/2022, bị cáo C điện thoại nói dối với anh Phan Thanh S là có 07 tấn xoài và mận tại vừa trái cây của bị cáo C muốn bán lại với số tiền 140.000.000 đồng, nếu mua thì đặt cọc số tiền 60.000.000 đồng. Anh S tin bị cáo C nói thật nên đã chuyển tiền đặt cọc 60.000.000 đồng cho bị cáo C thông qua ứng dụng chuyển tiền trên điện thoại di động vào tài khoản ngân hàng A số 7602205083702 của bị cáo C. Sau khi nhận được tiền thì anh S không liên lạc được với bị cáo C. Như vậy, tổng số tiền bị cáo C đã nhận được của anh S là 60.000.000 đồng dưới hình thức chuyển khoản và bị cáo đã rút toàn bộ số tiền này tiêu xài hết

mà không làm gì cho anh S như giao kết. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Minh C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Viện kiểm sát nhân dân BT, tỉnh V truy tố bị cáo Nguyễn Minh C với tội danh cùng điều luật nêu trên là có căn cứ, hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[3]. Về tính chất, mức độ và hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo Nguyễn Minh C là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ sức khỏe để lao động tạo ra của cải, vật chất cho bản thân, nhưng bị cáo lại lười lao động, chỉ thích hưởng thụ, nên bị cáo đã có hành vi trực tiếp dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác là không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật nhưng cố ý thực hiện nhằm mục đích có tiền để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân. Đồng thời, bị cáo đã có 01 tiền án về tội “Đánh bạc” đến nay chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, phải xử bị cáo với mức án thật nghiêm và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian thì mới có đủ sức giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Minh C đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình nộp tiền khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét, cân nhắc và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội trong trường hợp “tái phạm”, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Minh C đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình nộp tiền khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”; do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của

bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp và không có điều kiện kinh tế nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét tại phiên tòa hôm nay, bị hại là anh Phan Thanh S yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm trả lại anh S số tiền 60.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại cho anh S số tiền 20.000.000 đồng, tổng cộng là 80.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Minh C đồng ý yêu cầu này của bị hại S. Bà Nguyễn Thị Út E là mẹ ruột của bị cáo C đã đến Chi cục thi hành án dân sự huyện BT, tỉnh V nộp số tiền 2.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho phía bị hại S thay cho bị cáo C nên được khấu trừ, vì vậy buộc bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho anh Phan Thanh S là 78.000.000 đồng.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng bà Nguyễn Thị Út E không yêu cầu bị cáo C phải trả lại nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này và không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh thu của bị cáo C, bị cáo C không dùng điện thoại này để thực hiện hành vi phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo C.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và đúng theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Minh C nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 3.900.000 đồng (Ba triệu chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/12/2022.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Minh C.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh C trả lại anh S số tiền 60.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại cho anh S số tiền 20.000.000 đồng, tổng cộng là 80.000.000 đồng. Bị cáo C được khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng (do bà Nguyễn Thị Út E nộp) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BT, tỉnh V. Vì vậy, buộc bị cáo C tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho anh Phan Thanh S là 78.000.000 đồng.

Anh Phan Thanh S đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện BT, tỉnh V nhận số tiền 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001706 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BT, tỉnh V.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh C 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, đã qua sử dụng.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh C nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 3.900.000 đồng (Ba triệu chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long (Phòng hồ sơ lưu);
- VKSND huyện Bình Tân;
- Công an H.Bình Tân (CQTHAHS, CQĐT, NTG);
- Chi cục THADS huyện Bình Tân;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Thanh Hùng